**1. Người thuê: Thuê xe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Thuê xe |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người thuê đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Truy cập vào trang chủ của hệ thống cho thuê xe trực tuyến | | 2 | Người thuê | Chọn xe mà mình muốn thuê, rồi nhấn thuê xe | | 3 | Hệ thống | Hiển thị trang thông tin chi tiết về xe và yêu cầu người dùng cung cấp các thông tin cần thiết | | 4 | Người thuê | Nhập thông tin và nhấp vào nút "Thanh Toán". | | 5 | Hệ thống | Hệ thống ghi nhận thông tin và xử lý thanh toán. | | 6 | Hệ thống | Hệ thống tạo đơn thuê xe và cập nhật thông tin đơn. | | 7 | Hệ thống | Hệ thống gửi thông báo xác nhận cho người dùng | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Người dùng nhập thông tin không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin chính xác. | | 2 | Hệ thống | Hệ thống gặp lỗi khi xử lý thanh toán: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thực hiện lại thao tác. | | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin đơn thuê được cập nhật lên hệ thống | | |

**2. Người thuê: Kiểm tra đơn đặt xe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC002 | Tên Use case | Kiểm tra đơn đặt xe |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người thuê đã đăng nhập vào hệ thống và có ID đơn đặt xe | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Truy cập vào trang chủ của hệ thống cho thuê xe trực tuyến | | 2 | Người thuê | Người thuê nhấp vào nút "Kiểm Tra Đơn". | | 3 | Hệ thống | Hệ thống yêu cầu người dùng nhập ID đơn đặt xe. | | 4 | Người thuê | Người thuê nhập ID đơn đặt xe và nhấp vào nút "Tìm Kiếm". | | 5 | Hệ thống | Hệ thống truy vấn cơ sở dữ liệu và lấy thông tin chi tiết của đơn đặt xe. | | 6 | Hệ thống | Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của đơn đặt xe cho người dùng. | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Người thuê nhập ID đơn không tồn tại hoặc không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại ID chính xác. | | 2 | Hệ thống | Hệ thống gặp lỗi khi truy vấn cơ sở dữ liệu: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thực hiện lại thao tác. | | | |
| Hậu điều kiện |  | | |

**3. Người thuê: Gửi phản hồi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC003 | Tên Use case | Gửi Phản Hồi |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người thuê đã đăng nhập vào hệ thống  Người thuê đã thuê xe | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Người thuê nhấp vào nút "Gửi Phản Hồi". | | 2 | Hệ thống | Hệ thống hiển thị biểu mẫu phản hồi và yêu cầu người dùng nhập nội dung phản hồi. | | 3 | Người thuê | Người thuê nhập nội dung phản hồi và nhấp vào nút "Gửi". | | 4 | Hệ thống | Hệ thống ghi nhận phản hồi và lưu vào cơ sở dữ liệu. | | 5 | Hệ thống | Hệ thống gửi thông báo xác nhận cho người dùng | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Người thuê nhập thông tin phản hồi không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin chính xác. | | 2 | Hệ thống | Hệ thống gặp lỗi khi lưu phản hồi: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thực hiện lại thao tác. | | | |
| Hậu điều kiện |  | | |

**4. Người thuê: Chỉnh sửa đơn thuê xe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC004 | Tên Use case | Chỉnh sửa đơn thuê xe |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống  Người dùng chọn đơn đặt xe muốn chính sửa (phần chi tiết đơn đặt xe) | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Nhập vào nút chỉnh sửa của các trường cần sửa | | 2 | Hệ thống | Hiển thị trạng thái cho phép chỉnh sửa của các trường | | 3 | Người thuê | Chỉnh sửa các thông tin cần thiết và xác nhận | | 4 | Hệ thống | Ghi nhận các thay đổi và cập nhật trong cơ sở dữ liệu | | 5 | Hệ thống | Gửi thông tin đến quản trị viên và người cho thuê xe | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4a | Hệ thống | Phát hiện trưởng sửa bị lỗi sau đó thông báo cho người dùng về lỗi và cách sửa | | | |
| Hậu điều kiện | Người dùng cập nhật thông tin thành công và chờ thông báo từ hệ thống (chờ cho quản trị viên và người cho thuê duyệt)  Hệ thống cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu | | |

**5. Người thuê: Xem hóa đơn thuê xe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC005 | Tên Use case | Xem hoá đơn thuê xe |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống  Người dùng vào phần xem hoá đơn đã đặt | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Chọn một đơn đặt xe muốn xem chi tiết | | 2 | Hệ thống | Hiển thị chi tiết hoá đơn: loại xem địa điểm thuê xe, ngày giờ thuê xe, giá thuê, tổng thanh toán, trạng thái đã thành toán hay là chưa | | 3 | Người thuê | Có thể tải xuống hoặc xem hoá đơn | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | | |
| Hậu điều kiện | Người dùng thành công xem thông tin chi tiết về hoá đơn đã đặt | | |

**6. Người thuê: Đăng xuất**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC006 | Tên Use case | Đăng xuất |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Chọn chức năng đăng xuất | | 2 | Hệ thống | Chấp nhận yêu cầu đăng xuất | | 3 | Hệ thống | Chuyển về giao diện trang chủ chưa đăng nhập | |  |  |  | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | Không | | |
| Hậu điều kiện | Hệ thống chuyển về giao diện trang chủ ở chế độ chưa đăng nhập | | |

**7. Người thuê: Quản lý thông tin cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC007 | Tên Use case | Quản lý thông tin cá nhân |
| Tác nhân chính | Người thuê | | |
| Tác nhân phụ | Không có | | |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính (thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Truy cập vào trang quản lý thông tin cá nhân. | | 2 | Hệ thống | Hiển thị thông tin cá nhân hiện tại của người dùng. | | 3 | Người thuê | Chỉnh sửa thông tin cá nhân (ví dụ: tên, địa chỉ, số điện thoại). | | 4 | Người thuê | Nhấp vào nút "Lưu thay đổi". | | 5 | Hệ thống | Hệ thống ghi nhận thông tin đã chỉnh sửa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu. | | 6 | Hệ thống | Hệ thống gửi thông báo xác nhận rằng thông tin đã được cập nhật thành công. | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Người thuê | Người dùng nhập thông tin không hợp lệ: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin chính xác. | | 2 | Hệ thống | Hệ thống gặp lỗi khi cập nhật thông tin: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thực hiện lại thao tác. | | | |
| Hậu điều kiện | Thông tin cá nhân của người dùng được cập nhật lên hệ thống. | | |